

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2022

Mẫu số B03 - DN  
Đơn vị tính: VND  
Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.480.902.420</b>	<b>(1.998.888.364)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	<b>12,13</b>	9.298.119.321	9.406.776.894
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.003.390.412	(150.147.680)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	<b>24,27</b>	(651.051.907)	(975.220.658)
- Chi phí lãi vay	06	<b>25</b>	2.343.371.119	2.833.016.159
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>13.474.731.365</b>	<b>9.115.536.351</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.116.891.593)	(6.445.379.352)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.465.156.007	(2.544.626.755)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.096.373.322	8.632.053.869
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(167.592.937)	789.551.030
- Tiền lãi vay đã trả	14	<b>25</b>	(2.343.371.119)	(2.833.016.159)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(615.116.429)	(2.146.159.677)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>24.793.288.616</b>	<b>4.567.959.307</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	<b>13</b>	(509.922.056)	(30.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		<b>27</b>	2.400.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	(470.707.756)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.892.880.633	1.614.312.329
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		832.326.787	1.033.234.400
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(9.782.314.636)</b>	<b>2.146.838.973</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		87.399.488.393	80.669.920.949
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(97.589.032.534)	(85.891.533.069)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.189.544.141)</b>	<b>(5.221.612.120)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.821.429.839</b>	<b>1.493.186.160</b>
<b>(50=20+30+40)</b>				
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>2.734.621.818</b>	<b>1.243.297.296</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(23.149.828)	(1.861.638)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>7.532.901.829</b>	<b>2.734.621.818</b>
<b>(70=50+60+61)</b>				

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2022.

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Lệ Hằng

Hà Nam, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Ngọc